

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế (Phiên bản số 6)

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BYT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về mã hóa bệnh tật, nguyên nhân tử vong theo ICD-10;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 07.1 Danh mục mã bệnh y học cổ truyền ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế (Phiên bản số 6) tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này để chuẩn hoá mã bệnh theo Thông tư số 06/2026/TT-BYT ngày 02/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về mã hóa bệnh tật, nguyên nhân tử vong theo ICD-10.

Năm (05) mã bệnh y học cổ truyền ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế không sử dụng mã bệnh theo ICD-10 được liệt kê tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Ngoài các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, các nội dung khác được giữ nguyên theo Phụ lục 07.1 ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam - Bộ Tài chính có trách nhiệm cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế. Các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Quyết định này kể từ ngày 01/7/2026.

Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Bảo hiểm y tế để tiếp tục rà soát, hoàn thiện danh mục mã bệnh y học cổ truyền để thực hiện theo quy định tại Thông tư 06/2026/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Trong thời gian chuyển tiếp 60 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, việc gửi thay thế, sửa đổi dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh để chuẩn hoá mã bệnh theo Thông tư số 06/2026/TT-BYT trên Hệ thống giám định bảo hiểm y tế được xác định là nguyên nhân khách quan.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế và Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố, cơ quan bảo hiểm xã hội, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn quốc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- BHXH Việt Nam - Bộ Tài chính;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- BHXH Bộ Quốc phòng;
- BHXH Bộ Công an;
- BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các Vụ, Cục: PC, YDCT, K2ĐT, KCB;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Vũ Mạnh Hà

Phụ lục 01
Danh mục mã bệnh y học cổ truyền được sửa đổi bổ sung
(Ban hành theo Quyết định số 1978/QĐ-BYT ngày 01 / 7 /2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	STT theo QĐ 7603	MA_BENH	CHỨNG/BỆNH THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN	Mã ICD-10		TÊN BỆNH THEO Y HỌC HIỆN ĐẠI (Tên bệnh ICD-10 theo Thông tư số 06/2026/TT-BYT)	TÊN BỆNH THỂ HIỆN TRÊN BẢNG KÊ CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	Ghi chú
				Theo Quyết định 7603/QĐ-BYT	Theo Thông tư 06/2026/TT-BYT			
1	65	U50.131.1	Lao sái	A18.1	A18.1†	Bệnh lao ở hệ tiết niệu sinh dục	Lao sái [Bệnh lao ở hệ tiết niệu sinh dục]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
2	94	U50.161.4	Hiếp thống	A06.4	A06.4†	Áp xe gan do a-míp (K77.0*)	Hiếp thống [Áp xe gan do a-míp (K77.0*)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
3	195	U50.351	Ôn bệnh	A90	A97	Bệnh sốt xuất huyết Dengue	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
4	-	U50.351.0	Ôn bệnh	-	A97.0	Bệnh sốt xuất huyết Dengue không có dấu hiệu cảnh báo	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue không có dấu hiệu cảnh báo]	Mã bổ sung mới
5	-	U50.351.1	Ôn bệnh	-	A97.1	Bệnh sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo]	Mã bổ sung mới
6	-	U50.351.2	Ôn bệnh	-	A97.2	Bệnh sốt xuất huyết Dengue nặng	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue nặng]	Mã bổ sung mới
7	196	U50.361	Ôn bệnh	A91	A97.9	Bệnh sốt xuất huyết Dengue, không xác định	Ôn bệnh [Bệnh sốt xuất huyết Dengue, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

8	-	U54.311.8	Chứng dương bất toại	-	F52.8	Rối loạn chức năng tình dục khác, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý	Chứng dương bất toại [Rối loạn chức năng tình dục khác, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý]	Mã bổ sung mới
9	-	U54.311.9	Chứng dương bất toại	-	F52.9	Rối loạn chức năng tình dục không xác định, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý	Chứng dương bất toại [Rối loạn chức năng tình dục không xác định, không do rối loạn thực tổn hoặc bệnh lý]	Mã bổ sung mới
10	1225	U55.161.4	Chứng nuy	G56.4	G90.6	Hội chứng đau phức hợp vùng tıp II	Chứng nuy [Hội chứng đau phức hợp vùng tıp II]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
11	1255	U55.321	Chứng tý	G55.1	G55.1*	Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do rối loạn đĩa đệm cột sống (M50-M51†)	Chứng tý [Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do rối loạn đĩa đệm cột sống (M50-M51†)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
12	1256	U55.331	Chứng tý	G55.2	G55.2*	Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do thoái hóa đốt sống (M47.-†)	Chứng tý [Chèn ép rễ và/hoặc đám rối thần kinh do thoái hóa đốt sống (M47.-†)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
13	1736	U58.762	Hạ trĩ	I84	K64	Bệnh trĩ và/hoặc huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn	Hạ trĩ [Bệnh trĩ và/hoặc huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
14	1737	U58.762.0	Hạ trĩ	I84.0	K64.0	Bệnh trĩ độ I	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ I]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

15	1738	U58.762.1	Hạ trĩ	I84.1	K64.1	Bệnh trĩ độ II	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ II]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
16	1739	U58.762.2	Hạ trĩ	I84.2	K64.2	Bệnh trĩ độ III	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ III]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
17	1740	U58.762.3	Hạ trĩ	I84.3	K64.3	Bệnh trĩ độ IV	Hạ trĩ [Bệnh trĩ độ IV]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
18	1741	U58.762.4	Hạ trĩ	I84.4	K64.4	Vật da thừa còn sót lại của bệnh trĩ	Hạ trĩ [Vật da thừa còn sót lại của bệnh trĩ]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
19	1742	U58.762.5	Hạ trĩ	I84.5	K64.5	Huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn	Hạ trĩ [Huyết khối tĩnh mạch quanh hậu môn]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
20	1745	U58.762.8	Hạ trĩ	I84.8	K64.8	Bệnh trĩ xác định khác	Hạ trĩ [Bệnh trĩ xác định khác]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
21	1746	U58.762.9	Hạ trĩ	I84.9	K64.9	Bệnh trĩ, không xác định	Hạ trĩ [Bệnh trĩ, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
22	2248	U60.192.1	Tiền huyết	K51.1	K51.0	Viêm loét toàn ruột (mạn tính)	Tiền huyết [Viêm loét toàn ruột (mạn tính); Viêm hồi tràng trào ngược]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
23	2304	U60.391.0	Tiết tả	K58.0	K58.1	Hội chứng ruột kích thích thể tiêu chảy (IBS-D)	Tiết tả [Hội chứng ruột kích thích thể tiêu chảy (IBS-D)]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
24	2305	U60.391.9	Tiết tả	K58.9	K58.8	Hội chứng khác và/hoặc không xác định của ruột kích thích	Tiết tả [Hội chứng khác và/hoặc không xác định của ruột kích thích]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

25	2423	U61.043.2	Tùng bì tiền	L41.2	C86.6	U lympho tế bào T thể da nguyên phát CD30 dương tính	Tùng bì tiền [U lympho tế bào T thể da nguyên phát CD30 dương tính]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
26	2787	U62.341.2	Mạch tủy	M31.2	L92.9	Bệnh u hạt ở da và/hoặc mô dưới da, không xác định	Mạch tủy [Bệnh u hạt ở da và/hoặc mô dưới da, không xác định]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
27	-	U63.021.5	Âm dưỡng	-	N76.5	Loét âm đạo	Âm dưỡng [Loét âm đạo]	Mã bổ sung mới
28	-	U63.021.6	Âm dưỡng	-	N76.6	Loét âm hộ	Âm dưỡng [Loét âm hộ]	Mã bổ sung mới
29	2875	U63.021.8	Âm dưỡng	N77.8	N76.8	Viêm âm đạo và/hoặc âm hộ xác định khác	Âm dưỡng [Viêm âm đạo và/hoặc âm hộ xác định khác]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT
30	3053	U63.501.0	Thủy thũng	N18.0	N18.5	Bệnh thận mạn tính, giai đoạn 5	Thủy thũng [Bệnh thận mạn tính, giai đoạn 5]	Thay đổi mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT

Ghi chú: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lựa chọn mã ICD-10 theo Thông tư 06/2026/TT-BYT để thay thế cho mã ICD-10 theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT đối với các mã bệnh y học cổ truyền nói trên./.

Phụ lục 02

Danh mục mã bệnh y học cổ truyền không sử dụng

(Ban hành theo Quyết định số 1978/QĐ-BYT ngày 01 / 7 /2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT Theo QĐ 7603/ QĐ- BYT	MA_BENH	CHỨNG/BỆNH THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN	ICD10 (theo QĐ 7603/QĐ- BYT)	TÊN BỆNH THEO Y HỌC HIỆN ĐẠI	TÊN TRÊN BẢNG KÊ CHI PHÍ KB, CB BHYT (theo QĐ 7603/QĐ-BYT)
765	U51.631.2	Huyết nham	C91.2	Bệnh bạch cầu dạng lympho bán cấp	Huyết nham [Bệnh bạch cầu dạng lympho bán cấp]
1520	U56.141.7	Thanh manh	H54.7	Mất thị lực, không đặc hiệu	Thanh manh [Mất thị lực, không đặc hiệu]
1743	U58.762.6	Hạ trĩ	I84.6	Dẫn da do trĩ sót lại	Hạ trĩ [Dẫn da do trĩ sót lại]
1744	U58.762.7	Hạ trĩ	I84.7	Trĩ gây huyết khối không chẩn đoán	Hạ trĩ [Trĩ gây huyết khối không chẩn đoán]
3059	U63.501.8	Thủy thũng	N18.8	Suy thận mạn khác	Thủy thũng [Suy thận mạn khác]